

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/DS-ST
Ngày: 25 - 9 -2020
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tám;
2. Ông Nguyễn Văn Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị K**, sinh năm 1983, vắng mặt;

Cư trú tại: Tổ 03, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Ông **Đỗ Văn L**, sinh năm 1959, vắng mặt;

Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1974, vắng mặt;

Cùng cư trú tại: Tổ 13, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Trần Thị Khâu trình bày:

Do quen biết với vợ chồng ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T nên vào ngày 08/7/2019 dương lịch, nhằm ngày 06/6/2019 âm lịch chị có cho vợ chồng ông L, bà T vay số tiền 40.000.000 đồng, khi vay bà T ông L nói mục đích vay để cho người khác vay lại, hai bên thỏa thuận miêng lãi suất 10%/ 01 tháng/ 1.000.000

đồng. Giấy nợ do ông L tự viết, sau đó bà T, ông L ký tên và hai bên có thỏa thuận miệng thời hạn vay là 6 tháng sẽ trả gốc cho chị.

Nay chị yêu cầu ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nợ vay gốc 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng, chị yêu cầu bà T, ông L lại tiền lãi theo mức lãi suất 0,83 %/tháng từ ngày vay đến khi giải quyết xong vụ kiện.

Đối với số tiền lãi chị đã nhận 20.000.000 đồng thì chị đồng ý tính lại tiền lãi nếu có vượt quá quy định pháp luật thì chị đồng ý khấu trừ vào nợ gốc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T nhưng ông L, bà T có tình vắng mặt nên không thể tiến hành làm việc lấy lời khai, hòa giải.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – chị Trần Thị K: Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Bị đơn - ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T: Vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qua công tác kiểm sát xét thấy từ khi thụ lý vụ án, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, chuyển hồ sơ vụ án, quá trình thu thập chứng cứ, lấy lời khai hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, các Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các bên đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị K; đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị K số tiền nợ vay gốc 40.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 08/7/2019 đến ngày 25/9/2020 là 14 tháng 17 ngày x 0,83 %/tháng x 40.000.000 đồng = 4.836.000 đồng, khấu trừ vào số tiền lãi chị K đã nhận của ông L bà T 20.000.000 đồng, nên cần buộc ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T hoàn trả cho chị Trần Thị K số tiền còn lại 24.836.000 đồng.

Ông L, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt

chị K. Ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L, bà T.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị K yêu cầu ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T hoàn trả số tiền nợ vay gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi, xét thấy:

Về tiền nợ gốc: Căn cứ vào “**Giấy mượn tiền**” lập ngày 08/7/2019 dương lịch nhằm ngày 06/6/2019 âm lịch, giữa ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T với chị Trần Thị K là **hợp đồng có thật, chữ ký trong giấy nợ do** ông L, bà T ký tên, trong giấy nợ có thể hiện nội dung “...Tôi tên Nguyễn Thị T cùng chồng Đỗ Văn L cư ngụ tổ 13, ấp A, xã B TB TN Tôi có mượn của chị K với số tiền là 40.000.000 Bằng chữ Bốn mươi triệu Đồng”. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K về việc yêu cầu ông L, bà T có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay gốc 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng nhưng cần xem xét lại về yêu cầu tính tiền lãi.

Về tiền lãi: Khi viết giấy nợ không ghi lãi, nguyên đơn cho rằng hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất 10 %/tháng cho và có thỏa thuận miệng thời gian trả nợ gốc là 6 tháng kể từ ngày vay nhưng ngoài lời trình bày thì chị K không có chứng cứ chứng minh. Tuy nhiên, chị K thừa nhận trong quá trình vay tiền thì ông L, bà T có trả tiền lãi được 20.000.000 đồng với mức lãi suất từ 10%/tháng là 120%/năm. Nhưng trong giấy vay không có thỏa thuận lãi và bị đơn không làm việc được, như vậy đây là trường hợp hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án chị K chỉ yêu cầu ông L, bà T trả tiền lãi tính theo quy định pháp luật, như vậy xác định có tranh chấp về lãi do đó tiền lãi được tính là 0,83 %/tháng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, cụ thể như sau:

Tiền lãi tính từ ngày 08/7/2019 đến ngày 25/9/2020 là 14 tháng 17 ngày x 0,83 %/tháng x 40.000.000 đồng = 4.836.000 đồng.

Như vậy, ông Liêm bà T phải hoàn trả cho chị Trần Thị K số tiền nợ vay gốc 40.000.000 đồng và lãi theo quy định pháp luật 4.836.000 đồng, tổng cộng 44.836.000 đồng, khấu trừ vào số tiền lãi chị K đã nhận của ông L bà T 20.000.000 đồng, nên cần buộc ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T hoàn trả cho chị Trần Thị K số tiền còn lại 24.836.000 đồng.

Do đó đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị K buộc bị đơn ông Đỗ Văn L bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 24.836.000 (hai mươi bốn triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn) đồng là có căn cứ.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ:

Ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T là vợ chồng và cùng ký tên vào trong giấy nợ do vậy cần buộc ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 24.836.000 (hai mươi bốn triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn) đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T nhưng ông L, bà T cố tình vắng mặt nên không thể tiến hành làm việc lấy lời khai, hòa giải. Do vậy ông L bà T phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí:

Ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 24.836.000 đồng $\times 5\% = 1.241.800$ đồng theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị K đối với ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Trần Thị K số tiền 24.836.000 (hai mươi bốn triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày chị Trần Thị K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng ông L, bà T phải trả cho chị K số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T phải chịu 1.241.800 (một triệu hai trăm bốn mươi một nghìn tám trăm) đồng.

Chị Trần Thị K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Trần Thị K số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0007202 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc An